

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFE SƠN THÀNH

NĂM 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Vinacafe Sơn Thành
Vinacafe Sonthanh Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4400234169 của Công ty cổ phần Vinacafe Sơn Thành do Sở Kế hoạch và đầu tư Phú Yên cấp ngày 11/09/2008.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: xã Sơn Thành Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Điện thoại: 057.3596678; Fax: 057.3596120;
- Website: vinasonthanh.com
- Email: vinacafesonthanh@yahoo.com.vn.
- Mã cổ phiếu: AUM
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Vinacafe Sơn Thành được cổ phần hóa từ Công ty sản xuất kinh doanh – DV Sơn Thành tiền thân là Nông trường quốc doanh Sơn Thành. Nông trường quốc doanh Sơn Thành thành lập tháng 7 năm 1975, sau đó đổi tên là Nông trường cà phê Sơn Thành theo Quyết định số 1038 QĐ/UB ngày 14/10/1994 của UBND tỉnh Phú Yên và tỉnh Phú Yên trực tiếp quản lý. Năm 1995, chuyển về Tổng công ty cà phê Việt Nam quản lý theo Quyết định số 1379 QĐ/UB ngày 20/11/1995 của UBND tỉnh Phú Yên. Năm 2001 được đổi tên thành Công ty sản xuất kinh doanh – DV Sơn Thành theo Quyết định số 292 TCT/TCCB ngày 17/8/2001 của Tổng công ty cà phê Việt Nam.

Ngày 11 tháng 9 năm 2008, Công ty cổ phần Vinacafe Sơn Thành chính thức hoạt động. Qua gần 8 năm hoạt động với 7 lần Đại hội đồng cổ đông thường niên, mọi hoạt động của công ty đều ổn định và phát triển.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

Các ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất trồng trọt cây hồ tiêu và các cây ngắn ngày như mía, mì. Bên cạnh đó Công ty kinh doanh vật tư nông nghiệp, kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên

10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

Địa bàn kinh doanh chủ yếu là phục vụ người lao động trên địa bàn xã Sơn Thành Tây – Huyện Tây Hòa – Tỉnh Phú Yên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Công ty có Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, bên cạnh Hội đồng quản trị là Ban kiểm soát với 3 thành viên.

Ban điều hành có 3 thành viên hoạt động dưới sự kiểm tra giám sát của Hội đồng quản trị.

Đảng ủy, Công đoàn.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty có 3 phòng chức năng và 5 đội sản xuất, hoạt động dưới sự chỉ đạo của Ban điều hành.

Năm 2015, công ty có 164 lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn, 417 cổ đông và 1.194 hộ gia đình người lao động có hợp đồng sản xuất với Công ty.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Phát huy mọi nguồn lực, khai thác hết tiềm năng đất đai để phát triển sản xuất ổn định.

+ Đầu tư thâm canh theo hướng hữu cơ bền vững 500 ha hồ tiêu.

+ Xây dựng thương hiệu hồ tiêu tại Sơn Thành – Phú Yên.

+ Không ngừng nâng cao thu nhập cho người lao động, bảo đảm an ninh chính trị và an toàn xã hội trên địa bàn.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Phát triển công ty theo hướng ổn định và bền vững.

+ Huy động, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để hợp tác đầu tư, liên kết sản xuất.

+ Sản xuất ra sản phẩm sạch, an toàn cho cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Hiện nay Công ty đã có 20 ha sản xuất hồ tiêu được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn Global G.A.P, công ty đưa ra mục tiêu đến 2020, 100% diện tích sản xuất hồ tiêu đạt tiêu chuẩn Global G.A.P. Vừa tạo ra sản phẩm sạch, an toàn cho người sử dụng, vừa bảo vệ được môi trường sản xuất cho người tham gia sản xuất vừa bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

+ Hiện nay công ty đang chỉ đạo sản xuất tiêu sạch, đảm bảo không có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên sản phẩm.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường): Trong năm 2016, theo dự báo tình hình hạn hán kéo dài, là đơn vị sản xuất trên địa bàn miền trung, chịu ảnh hưởng nặng bởi hạn hán. Nếu hạn kéo dài, rủi ro có thể xảy ra là nguồn nước tưới khô kiệt sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất và có thể dẫn đến chết cây trồng nếu không đủ nguồn nước tưới.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.:

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2015	TH năm 2015	Tỉ lệ (%)
I	Sản xuất				
1	Diện tích Hồ tiêu	Ha	480	480	100
1.1	Tiêu KD				
	Diện tích	Ha	250	250	100
	Sản lượng	Tấn	700	750	107
1.2	Tiêu KTCB	Ha	205	205	100
1.3	Tiêu TM	Ha	25	25	100
2	Cây choái tiêu	Ha	20	20	100
3	Cây màu				
	Diện tích	Ha	450	450	100
	Sản lượng	Tấn	16.500	17.250	104,5
II	Tài chính (công ty)				
1	Tổng doanh thu	Tỷ	22	18,657	84,8
2	Lợi nhuận	Triệu	400	337	84,3
3	Nộp ngân sách	Triệu	280	479	171

*Doanh thu của người lao động: Công ty cổ phần Vinacafe Sơn Thành không quản lý sản phẩm mà chỉ thu sản phẩm nghĩa vụ, toàn bộ lợi nhuận thực tế từ vườn cây người lao động hưởng.

Tổng doanh thu của người lao động: 165,25 tỷ đồng đạt 118% so KH

Tổng lợi nhuận người lao động được hưởng: 93,05 tỷ đồng đạt 93% so với KH.

- Trong năm doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch do sản phẩm thu nghĩa vụ cây tiêu và sản phẩm tiêu mua từ các hộ gia đình đến 31/12/2015 Công ty chưa bán.

- Lợi nhuận của người lao động không đạt kế hoạch mặc dù doanh thu vượt 18% KH là do giá mía, giá sắn mì, giá bắp hạ quá thấp trong khi chi phí nhân công tăng đã ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của người lao động.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành năm 2015:

+ Giám đốc: Bà Trần Thị Minh Thu Sinh năm: 1963

Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,46%

+ Phó Giám đốc: Ông Văn Kim Minh Sinh năm : 1966

Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,12%

+ Kế toán trưởng: Ông Đặng Như Tuấn Sinh năm: 1966

Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,27%

- Cả 3 thành viên Ban điều hành đều tốt nghiệp đại học chuyên ngành quản lý.

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2015: Không có.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Năm 2015, công ty có 164 lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn, 417 cổ đông và 1.194 hộ gia đình người lao động có hợp đồng sản xuất với Công ty. Trong năm không có thay đổi về chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2015 không có khoản đầu tư lớn về tài chính hoặc thực hiện các khoản đầu tư dự án.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2014	Năm/Year 2015	% tăng giảm/ % <i>change</i>
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	14.474.329.120	14.535.890.028	+ 0,42%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	22.679.390.132	18.657.701.185	- 17,73%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	(3.900.317.192)	(3.910.092.104)	+ 0,25 %
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	4.228.746.497	4.248.034.076	+ 0,45 %

Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	328.429.305	337.941.972	+ 2,89 %
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	226.698.952	256.064.296	+ 12,95 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i> Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> Doanh thu/ <i>Revenue</i> Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i> Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i> Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>	2.87%		

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2014	Năm/Year 2015	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i> Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i> <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <i>Short term Debt</i>	1,89	2,09	
	1,73	1,09	

<p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	0,24	0,25	
<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i></p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>	1,56	1,28	
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>.....</p>	1%	1,37%	
	2,06%	2,35%	
	1,56%	1,76 %	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions:*

Chỉ tiêu/Figures	Năm/Year X-1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
-------------------------	-------------------------	-----------------------	-------------------------

1. Quy mô vốn/ <i>Capital scale</i>			
- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
- Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
- Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>)			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu.

- Tổng số cổ phần: 1.000.000 cổ phần

-Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông.

-Số cổ phần được chuyển nhượng tự do: 986.811 cổ phần

-Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo điều lệ Công ty: 13.189 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

-Cổ đông Nhà nước là cổ đông lớn: chiếm 68,97 % cổ phần, cổ đông cá nhân chiếm 31,03 % cổ phần đều là các cổ đông nhỏ. Không có cổ đông nước ngoài.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm không tăng vốn cổ phần, không phát hành cổ phiếu thưởng, không trả cổ tức bằng cổ phiếu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Trong năm không phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không có.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện năng tiêu thụ trực tiếp để vận hành các thiết bị tưới cho cây trồng là: 80.000 KW/năm

Điện năng tiêu thụ cho việc vận hành các máy chế biến sản phẩm sản xuất: 10.000 KW/năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Lượng nước tưới cho cây trồng lấy từ giếng đào tại các diện tích sản xuất trong năm là 160.000 m³/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy

định về môi trường: Không có..

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Trong năm có 164 lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn, người lao động nhận khoán vườn cây theo phương án khoán theo Nghị định 135/CP của Chính phủ. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2015 là: 5.000.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty có Hội đồng bảo hộ lao động, có hệ thống an toàn vệ sinh viên từ công ty xuống các đơn vị sản xuất để đơn đốc thực hiện và kiểm tra giám sát việc thực hiện các vấn đề liên quan đến việc đảm bảo sức khỏe cho người lao động, an toàn trong sản xuất. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động để quản lý sức khỏe và phát hiện các bệnh nghề nghiệp nếu có.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

-Cử đi đào tạo các nghiệp vụ có liên quan: 45 lượt cán bộ công nhân viên.

-Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Trong năm 2015 đã tổ chức đào tạo tại chỗ thông qua các Hội thảo để nâng cao kiến thức cho người lao động trong sản xuất hồ tiêu: 250 người. Đã tổ chức đi tham quan học hỏi kinh nghiệm tại đơn vị bạn được 30 người.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Đã hỗ trợ xây dựng giao thông nông thôn tại các thôn và xã trên địa bàn cũng như tham gia đóng góp xây dựng giao thông nông thôn tại huyện được 52 triệu đồng. Ngoài ra các Hội trường Công ty, nhà làm việc các đơn vị là những điểm sinh hoạt văn hóa của địa phương, công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để phát triển cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm sản xuất ổn định, sản lượng hồ tiêu tăng so với kế hoạch 7% mặc dù thời tiết bất lợi.

Trong năm kế hoạch doanh thu và lợi nhuận không đạt do Công ty thu nghĩa vụ và mua sản phẩm hồ tiêu của người lao động nhưng chưa bán, còn giữ tại kho. Riêng chỉ tiêu nộp ngân sách tăng 71%.

Chỉ tiêu doanh thu của người lao động tăng 18% nhưng lợi nhuận giảm 7% so với kế hoạch do giá nông sản hạ trong khi chi phí lao động tăng đã ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của người lao động.

Trong năm một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch do Công ty chưa tiêu thụ sản phẩm và do giá cả thị trường nông sản hạ qua quá trình hội nhập, việc này ngoài khả năng của Ban giám đốc.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2014	Năm/Year 2015	Ghi chú/Note
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i>:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>:</p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <i>Short term Debt</i></p>	1,89	2,09	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	0,24	0,25	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i>:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho</p>			

bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	1,56	1,28	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	1%	1,37%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	2,06%	2,35%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	1,56%	1,76 %	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)			
.....			

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Về cơ cấu tổ chức được thu gọn và phân công chức năng cụ thể. Từ 3 phòng và 1 ban thu gọn lại 3 phòng. Với 7 đội sản xuất thu gọn lại 5 đội sản xuất.

Các phòng và các đơn vị được phân công chức năng, trách nhiệm cụ thể. - Xác định sản xuất là nhiệm vụ trọng tâm của doanh nghiệp, để từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý phù hợp với điều kiện của loại hình Công ty cổ phần trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nên bộ máy quản lý được tổ chức gọn nhẹ, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ chế quản lý mới. Luôn hoàn thiện và đổi mới cơ chế quản lý cho phù hợp với điều kiện thực tế, nâng cao hiệu quả công tác quản lý doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế khoán hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của người lao động: người lao động được hưởng đầy đủ phần lợi nhuận đã đầu tư trên vườn cây, chủ động trong tiêu thụ sản phẩm nên đã kích thích người lao

động đầu tư tốt hơn, đây là động lực để doanh nghiệp ổn định và phát triển.

Chất lượng vườn cây được nâng lên rõ rệt, sản lượng đạt và vượt thang năng suất vườn, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Trong kinh doanh, dịch vụ với phương châm bảo đảm chất lượng, đảm bảo uy tín với giá thành thấp nhất trong kinh doanh. Trong những năm qua thị trường tiêu thụ không ngừng mở rộng; mặc dù giá cả vật tư, sản phẩm không ổn định nhưng doanh thu năm sau tăng bình quân 16%, lợi nhuận tăng bình quân 14% so với năm trước.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để phát huy tốt quyền dân chủ của người lao động tại doanh nghiệp. Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động đảm bảo kịp thời, đúng chế độ theo Bộ luật lao động. Đã nâng cấp và lắp đặt hoàn chỉnh các công trình cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động cho người sản xuất. Bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp cho người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đào tạo Global G.A.P cho người sản xuất hồ tiêu và đưa vào áp dụng trên toàn bộ 500 ha, sản xuất ra sản phẩm nông nghiệp an toàn.

- Nâng cao hiệu quả của công nghệ chế biến tiêu trắng bằng phương pháp xử lý men Enzym và lắp đặt hệ thống chế biến hoàn chỉnh đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu đây là công nghệ chế biến tiên tiến nhất hiện nay ở Việt Nam để cung cấp cho thị trường sản phẩm cao cấp an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu hồ tiêu của Công ty. Đưa sản phẩm của Công ty xuất khẩu trực tiếp ra thị trường nước ngoài để mang lại lợi nhuận cao hơn cho người lao động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng..)

Đã tiêu thụ điện năng, tiêu thụ nước trong cơ chế tiết kiệm cho xã hội, mang lại hiệu quả cao. Các hoạt động sản xuất hoàn toàn không gây ảnh hưởng đến môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Hoàn thành tốt trách nhiệm đối với người sử dụng lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện tốt các quy định của Luật doanh nghiệp, tham gia nộp ngân sách tại địa phương đầy đủ, đúng luật định. Tham gia đầy đủ các cuộc vận động thực hiện các vấn đề xã hội, địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Về cơ chế quản lý: đã cơ bản hoàn thiện cơ chế quản lý phù hợp với yêu cầu của loại hình Công ty cổ phần trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, bộ máy quản lý được tổ chức gọn nhẹ, đáp ứng kịp thời với cơ chế quản lý mới. Ngày càng phát huy và nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý doanh nghiệp.

- Về sản xuất: Xác định là nhiệm vụ trọng tâm của doanh nghiệp, đã thực hiện cơ chế khoán hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của người lao động: người lao động được hưởng đầy đủ phần lợi nhuận đã đầu tư trên vườn cây, chủ động trong tiêu thụ sản phẩm nên đã kích thích người lao động đầu tư tốt hơn, đây là động lực để doanh nghiệp ổn định và phát triển.

- Về kinh doanh – dịch vụ: với phương châm bảo đảm chất lượng, đảm bảo uy tín với giá thành thấp nhất trong kinh doanh để phục vụ cho người lao động trong khu vực. Trong năm qua thị trường tiêu thụ không ngừng mở rộng; mặc dù giá cả vật tư, sản phẩm không ổn định nhưng doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch.

- Việc áp dụng khoa học – kỹ thuật tiên tiến: Đã nghiên cứu và áp dụng công nghệ tưới chủ động phù hợp với điều kiện của Công ty; bón phân, xử lý phòng bệnh theo hệ thống tưới, vừa tiết kiệm được chi phí đầu tư, vừa giảm chi phí lao động trực tiếp nhưng quan trọng hơn cả là tăng sản lượng, chất lượng sản phẩm vượt trội. **Là đơn vị duy nhất** sở hữu công nghệ chế biến tiêu trắng bằng phương pháp xử lý men Enzym và lắp đặt hệ thống chế biến hoàn chỉnh đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu; đầu tư lắp đặt trang bị máy chế biến, hệ thống sấy tiêu cho gần 100 hộ gia đình với tổng kinh phí đầu tư gần 2 tỷ đồng.

- Công ty đã đi đầu trong việc sản xuất tiêu theo tiêu chuẩn Global G.A.P ; là đơn vị đầu tiên của ngành hồ tiêu Việt Nam được Chứng nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn Global G.A.P liên tục 3 năm liền năm 2013, năm 2014 và năm 2015.

- Sản phẩm hồ tiêu đạt chứng nhận tín nhiệm xanh do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp và đạt danh hiệu sản phẩm nông nghiệp bền vững do Hội Doanh nghiệp Việt Nam công nhận.

- Thực hiện tốt luật doanh nghiệp, luật lao động, luật bảo hiểm xã hội và pháp luật môi trường. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để phát huy tốt quyền dân chủ của người lao động tại doanh nghiệp. Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động đảm bảo kịp thời, đúng chế độ theo Bộ luật lao động. Đã nâng cấp và lắp đặt hoàn chỉnh các công trình cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động cho người sản xuất. Thực hiện tốt các Cam kết bảo vệ môi trường và đánh giá tác động môi trường đã được các cơ quan chức năng phê duyệt.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Luôn năng động, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành. Đã hoàn thiện và đổi mới cơ chế quản lý phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, luôn có trách nhiệm nâng cao hiệu quả công tác quản lý doanh nghiệp. Bám sát đường lối phát triển kinh tế xã hội của địa phương để định hướng hoạt động có hiệu quả, sát thực tế, đúng đường lối của Đảng. Thực hiện tốt Luật doanh nghiệp và các bộ

luật liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.

-Chỉ đạo kế hoạch kết hợp chỉ đạo quy trình kỹ thuật chặt chẽ, công tác kỹ thuật được đặt lên hàng đầu, nhanh chóng áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật phù hợp để nâng cao năng suất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Đi đầu trong việc chỉ đạo áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn Global G.A.P đối với cây tiêu để sản xuất ra sản phẩm sạch, an toàn cho người sản xuất và người sử dụng.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với địa phương và các đoàn thể; tăng cường công tác tuyên truyền vận động, giáo dục, ổn định tư tưởng người lao động.

- Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo Luật Môi trường và các nghị định có liên quan.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Phát huy mọi nguồn lực và liên kết đầu tư để khai thác hết tiềm năng của 900 ha đất nông nghiệp.

- Phát triển ổn định 500 ha hồ tiêu, đi vào thâm canh và sản xuất theo tiêu chuẩn Global G.A.P. Các diện tích còn lại phát triển cây mì, cây mía theo hướng đầu tư thâm canh, nâng cao năng suất và giá trị sản phẩm.

- Hoàn chỉnh đăng ký thương hiệu hồ tiêu và tổ chức thu mua, chế biến hồ tiêu xuất khẩu trực tiếp.

- Tiếp tục mở rộng kinh doanh – dịch vụ, phát huy lợi thế về vị trí, về điều kiện của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, cụ thể:

+ Bà Trần Thị Minh Thư Chủ tịch HĐQT

Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,46%

+ Ông Văn Kim Minh UV HĐQT

Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,12%

+ Ông Đặng Như Tuấn UV HĐQT

Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,27%

+ Ông Bùi Văn Trỹ UV HĐQT

Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,44%

+ Ông Trần Văn Minh UV HĐQT

Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,03%

-Có 2 thành viên độc lập là ông Bùi Văn Trỹ và ông Trần Văn Minh.

-Công ty không phát hành chứng khoán, không liên kết với công ty khác.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị hoạt động hiệu quả. Trong năm đã họp 8 lần với các nội dung: đánh giá và triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Thông qua các báo cáo và công tác chuẩn bị cho Đại hội thường niên. Các cuộc họp đều tham gia đầy đủ các thành viên và đạt kết quả tốt.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Hai thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát về mọi hoạt động của Công ty

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Bà Trần Thị Minh Thu

Ông Văn Kim Minh

Ông Đặng Như Tuấn

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Ông Văn Kim Minh

Ông Đặng Như Tuấn

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có 3 thành viên:

Ông Phùng Quang Đàn Trưởng ban

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,15%

Ông Phan Giang Thành viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,17%

Ông Vũ Chí Bột Thành viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,11%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Trong năm Ban kiểm soát họp 5 lần để kiểm tra các báo cáo tài chính của Công ty và chuẩn bị nội dung cho kỳ Đại hội thường niên. Các cuộc họp đều có mặt đủ các thành viên và đạt kết quả tốt.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

-Tiền lương và tiền thưởng Ban điều hành năm 2015:

Bà Trần Thị Minh Thu Giám đốc

Tiền lương: 180.600.000 đồng; tiền thưởng: 17.670.216 đồng

Ông Văn Kim Minh Phó Giám đốc

Tiền lương: 170.025.870 đồng; Tiền thưởng: 17.002.587 đồng

Ông Đặng Như Tuấn Kế toán trưởng

Tiền lương: 168.391.440 đồng; Tiền thưởng: 16.596.854 đồng

-Tiền thù lao HĐQT và BKS: Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 chi thù lao 5%/tổng lợi nhuận sau thuế là: 22.098.276 đồng.

HĐQT và BKS họp thống nhất chia đều số lợi nhuận trên cho 8 thành viên.

Ngoài các khoản trên, các thành viên HĐQT và BKS không có lợi ích gì khác.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm 2015 có 10 trường hợp cổ đông nhỏ bán cổ phần. Các thành viên HĐQT, BKS, giám đốc, kế toán trưởng và cổ đông Tổng công ty không có giao dịch cổ phiếu.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty, không vi phạm.

VI. Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán* : Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Trần Thị Minh Thư